CÔNG TY CP DV VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU NGHIỆM THU TẠO NHÁM CSP, ĐO CÁT SR, ĐỘ ẨM VÀ RÃNH NEO TRƯỚC SƠN PHỦ

Quy trình **WF-03** / **WF-07** · Đồng bộ **CFS-08** · Bóc đĩa PCD · Đích CSP-1..10 · Thử cát V = 50 cm^3 (Sr ≤ 1,5 mm) · Rãnh neo 2×e · Vữa cản ẩm khi > 4% · ΔT ≥ +3 °C · Kéo đứt ≥ 1,5 MPa

Mã biểu mẫu: BM-CFS-06
Phiên bản: v1.0 (19/11/2026)
Phụ trách: KTV Kiểm định bề mặt
Lưu hồ sơ: 36 tháng (Kỹ thuật)

Công trình / Khu sơn	..... (DT: ..... m^2)	**Hệ sơn phủ & Dày (e)**	☐ Lăn ☐ Tự phẳng ☐ Vữa PU/MMA | e = ... mm
Thiết bị tạo nhám	☐ Đầu cào PCD · ☐ Phun bi kín · ☐ Phay băm · ☐ Mài	**Vi khí hậu trước sơn**	$T_{sàn}$: .... °C · $T_{sương}$: .... °C · **ΔT = ... °C** (≥ +3 °C)

1. NGHIỆM THU BÓC LỚP CŨ (PCD), CẤP NHÁM CSP-1..10 VÀ PHÉP ĐO THỬ CÁT SR (V = 50 CM^3)

(Công thức Sr = 4V / (π·D^2) ≤ 1,5 mm)

Hạng mục kiểm định	Yêu cầu kỹ thuật theo hệ sơn	Kết quả đo thực địa tại sàn	Kết luận
1. Bóc sơn / keo cũ (PCD)	Bóc sạch toàn bộ sơn Epoxy/PU bong rộp, keo thảm và lớp vữa chết bằng đầu PCD, hút sạch bụi HEPA.	☐ Sạch hoàn toàn lớp cũ · ☐ Không còn vết dầu/sáp	☐ Đạt ☐ Mài lại
2. Cấp độ nhám đích CSP-1..10	Lăn mỏng: CSP-2..3 · Tự san phẳng: CSP-3..5 · Vữa PU/MMA: CSP-5..8 (tối đa CSP-10).	Cấp đích yêu cầu: CSP-..... Đối chiếu tấm mẫu 10 cấp thực tế: CSP-.....	☐ Đạt đích ☐ Chưa tới
3. Phép đo cát V = 50 cm^3 (Sr)	Đổ **50 cm^3** cát chuẩn trải tròn phẳng; tính chiều sâu nhám trung bình **Sr ≤ 1,5 mm**.	Đường kính D1: ..... cm | D2: ..... cm | D3: ..... cm Tính **Sr = (4 × 50) / (π × D_{tb}^2) = ... mm**	☐ ≤ 1,5 mm ☐ Bả bù (Sr cao)

2. KIỂM TRA RÃNH NEO 2×E, XỬ LÝ ĐỘ ẨM > 4% BẰNG VỮA CẢN ẨM, ĐIỂM SƯƠNG ΔT VÀ KÉO ĐỨT ≥ 1,5 MPA

(Cửa chốt trước khi lăn lót Primer)

Cửa kiểm định chuyển giao	Ngưỡng đạt bắt buộc (WF-03 / WF-07)	Số đo & Xác minh hiện trường	Kết luận
4. Cắt rãnh neo 2×e	Tại chân tường, mép rãnh, chân máy, ngưỡng cửa: rộng & sâu đạt **2 × e** (tối thiểu 4×4 đến 8×8 mm).	Chiều dày lớp phủ e = ... mm → Chuẩn 2×e = ... mm Đo thực tế: Rộng ..... mm × Sâu ..... mm (Hút HEPA sạch)	☐ Đạt 2×e ☐ Cắt sâu thêm
5. Độ ẩm nền & Vữa cản ẩm	Sơn thường: **ẩm ≤ 4%** & PE ASTM D4263 khô. Nếu **> 4%** → phủ **vữa cản ẩm Epoxy xi măng**.	Đo máy: ..... / ..... / ..... % · PE 16–24h: ☐ Khô ☐ Ẩm Thi công vữa cản ẩm: ☐ Không cần ☐ Đã phủ (.... mm)	☐ Đạt ≤ 4% ☐ Đã cản ẩm
6. Điểm sương ΔT ≥ +3 °C	Chênh nhiệt mặt sàn cao hơn điểm sương **ΔT ≥ +3 °C**, độ ẩm không khí **≤ 75–80% RH**.	$T_{sàn}$: ..... °C · $T_{sương}$: ..... °C · **ΔT: ..... °C** · %RH: ..... % (Tái kiểm 2h/lần trong suốt quá trình lăn lót)	☐ Đạt ≥ +3 °C ☐ Tạm dừng
7. Cường độ kéo đứt mặt	Đo kéo đứt nền sau tạo nhám (TCVN 9491) đạt **≥ 1,5 MPa**, phá hủy trong bê tông đặc chắc.	Điểm 1: ..... MPa · Điểm 2: ..... MPa · Điểm 3: ..... MPa Trung bình: **..... MPa**	☐ ≥ 1,5 MPa ☐ Xử lý lại

3. NHẬT KÝ ĐO KIỂM CHUYỂN GIAO THEO PHÂN KHU TRƯỚC LĂN LÓT PRIMER

(Mỗi phân khu ghi đủ số liệu thực tế & hút bụi HEPA)

Phân khu / Trục sàn	Cấp CSP	D_{tb} (cm) / Sr (mm)	Ẩm (%) / PE	ΔT (°C)	Kéo đứt (MPa)	HEPA & 2×e
Lô 1:	CSP-.....	..... /	.....% / ☐ Khô	..... °C	..... MPa	☐ Đạt
Lô 2:	CSP-.....	..... /	.....% / ☐ Khô	..... °C	..... MPa	☐ Đạt
Lô 3:	CSP-.....	..... /	.....% / ☐ Khô	..... °C	..... MPa	☐ Đạt

LỆNH CẤM CHUYỂN GIAO SƠN PHỦ: Tuyệt đối không lăn lớp lót Epoxy/PU/MMA khi xảy ra bất kỳ lỗi nào sau: **(a) ΔT < +3 °C** gây ngưng tụ sương mờ bọt khí; **(b) Độ ẩm nền > 4%** mà chưa phủ vữa cản ẩm Epoxy xi măng; **(c) Kéo đứt < 1,5 MPa**; **(d)** Chưa cắt đủ rãnh neo **2×e** hoặc chưa hút bụi tinh bằng máy HEPA.

KTV TẠO NHÁM & KIỂM ĐỊNH SONGANHHYG	ĐẠI DIỆN ĐỘI SƠN PHỦ / BÊN A NHẬN MẶT BẰNG
Xác nhận đúng cấp CSP, phép đo cát Sr, rãnh neo 2×e, vữa cản ẩm (nếu > 4%), ΔT ≥ +3 °C và kéo đứt ≥ 1,5 MPa. Họ tên & chữ ký:	☐ Chấp nhận mặt bằng đủ chuẩn sơn phủ · ☐ Yêu cầu khắc phục trước lăn lót Họ tên, chức vụ & chữ ký: